TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 5 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau *tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2019/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Cẩm T, sinh năm 1977 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Lâm Văn K, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C chi nhánh huyện P, tỉnh C.

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phạm Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2001 bà và ông Lâm Văn K chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống

xét thấy không hòa hợp, ông K nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình, không lo làm ăn, giữa vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cải nhau. Xét thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lâm Văn K. Về con chung có 03 người là Lâm Chí Đ (giới tính nam) sinh ngày 21/11/2002, Lâm Nhựt H (giới tính nam) sinh ngày 01/9/2004 và Lâm Tâm Đ (giới tính nữ) sinh ngày 12/6/2011 hiện tại đang chung sống cùng với bà và ông K. Bà yêu cầu được nuôi cả 03 người con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung có nợ Ngân hàng C chi nhánh huyện P, tỉnh C số tiền 10.000.000 đồng, bà yêu cầu ông K có trách nhiệm chia đôi số nợ để trả, cụ thể bà và ông K mỗi người phải trả số tiền 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà yêu cầu được tự trả cho Ngân hàng, không yêu cầu ông K phải chia trả.

Bị đơn là ông Lâm Văn K đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai chứng cứ.

Ngân hàng C chi nhánh huyện P, tỉnh C không cử người đại diện tham gia tố tụng đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ.

Đại diện chính quyền địa phương ấp V, xã P, huyện P xác định: Bà Phạm Cẩm T và ông Lâm Văn K sinh sống tại ấp V, xã P. Quá trình phát sinh mâu thuẫn các đương sự không có trình báo chính quyền địa phương không biết, sự việc mâu thuẫn không có yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, chấp hành pháp luật của cùa người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Cẩm T. Về con chung, giao cả 03 người con cho bà T tiếp tục nuôi, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc bà T phải chịu theo quy định chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Cẩm T yêu cầu ly hôn yêu cầu ly hôn với ông Lâm Văn K và yêu cầu nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Lâm Văn K, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C chi nhánh huyện P, tỉnh C vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về hôn nhân: Bà Phạm Cẩm T và ông Lâm Văn K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã P, huyện P chứng nhận kết hôn vào ngày 08/12/2014. Việc kết hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà T và ông K được công nhận là vợ chồng. Về mâu thuẫn, bà T xác định quá trình

chung sống thì vợ chồng không hòa hợp, ông K nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình, không lo làm ăn, giữa vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cải nhau. Xét thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lâm Văn K. Ông K đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đồng thời không cung cấp lời khai, chứng cứ cho thấy ông K không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà và ông K không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2018 cho đến nay mà không thể hàn gắn, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K đã và đang trầm trọng, bà T cương quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, có đủ cơ sở để chấp nhận cho bà T ly hôn với ông K.

[3]. Về con chung: Bà T xác định có 03 người con chung là Lâm Chí Đ (giới tính nam) sinh ngày 21/11/2002, Lâm Nhựt H (giới tính nam) sinh ngày 01/9/2004 và Lâm Tâm Đ (giới tính nữ) sinh ngày 12/6/2011. Hiện tại tất cả những người con chung đang chung sống cùng với bà T và ông K. Bà T yêu cầu được nuôi cả 03 người con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc yêu cầu nuôi con của bà T phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của những người con chưa thành niên do đó có cơ sở chấp nhận. Bà T yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T nên có cơ sở để ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung: Bà Tú xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà T xác định giữa bà và ông K có nợ Ngân hàng C chi nhánh huyện P, tỉnh C số tiền 10.000.000 đồng, bà yêu cầu chia đôi số nợ để trả, cụ thể bà và ông K mỗi người trả số tiền 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu được trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng mà không yêu cầu ông K cùng chịu trách nhiệm để trả. Đồng thời, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thì Ngân hàng C chi nhánh huyện P, tỉnh C không cung cấp lời khai, chứng cứ và không có ý kiến về số nợ này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trường hợp giữa Ngân hàng C chi nhánh huyện P, tỉnh C và các đương sự có tranh chấp về số tiền nợ thì được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo thủ tục chung.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Cẩm T ly hôn với ông Lâm Văn K.

2. Về con chung: Giao Lâm Chí Đ (giới tính nam) sinh ngày 21/11/2002, Lâm Nhựt H (giới tính nam) sinh ngày 01/9/2004 và Lâm Tâm Đ (giới tính nữ) sinh ngày 12/6/2011 cho bà Phạm Cẩm T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lâm Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Cẩm T về việc không yêu cầu ông Lâm Văn K cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lâm Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0019010, ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay được chuyển thu, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND H.Phú Tân;*
- *Phòng KT-NV & THA(Tòa án tỉnh);*
- *Chi cục THADS H.Phú Tân;*
- *UBND xã P, huyện P;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước